

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ H
TỈNH KON TUM
Số: 34/2020/QĐST-HNGĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Đ H, ngày 27 tháng 4 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 44/2020/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2020, giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị Đ T K Y, sinh năm 1996;

Địa chỉ: Tổ dân phố 5, thị trấn Đ H, huyện Đ H, tỉnh Kon Tum.

- *Bị đơn*: Anh Đ Q A, sinh năm 1996;

Địa chỉ: Tổ dân phố 5, thị trấn Đ H, huyện Đ H, tỉnh Kon Tum.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 81 và Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17 tháng 4 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17 tháng 4 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Đ T K Y và anh Đ Q A.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Đ T K Y và anh Đ Q A tự nguyện thoả thuận, thuận tình ly hôn.

- *Về con chung*: Giao con chung cháu Đặng Thu Đ H, sinh ngày 16/01/2018 cho chị Đ T K Y trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi, trưởng thành và tự lập được.

Anh Đ Q A có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung hàng tháng, mỗi tháng 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng chẵn*). Thời điểm cấp dưỡng kể từ tháng 5 năm 2020 cho đến khi cháu Đ H đủ 18 tuổi, trưởng thành tự lập được.

Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con không cố định. Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Áp dụng khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

Kể từ ngày quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật và chị Đ T K Y có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con mà anh Đ Q A không thi hành đủ khoản tiền cấp dưỡng nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015, tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành án.

- Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập.

- Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 144, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 24; khoản 7 Điều 26; điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Án phí dân sự sơ thẩm (Thuận tình ly hôn) là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi ngàn đồng) các đương sự phải chịu. Chị Đ T K Y nhận chịu toàn bộ. Án phí cấp dưỡng nuôi con chung là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi ngàn đồng) anh Đ Q A phải chịu nhưng chị Yến nhận chịu số tiền trên được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà chị Đ T K Y đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số AA/2016/0000750 ngày 11/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ H, tỉnh Kon Tum. Chị Đ T K Y đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Kon Tum;
- Chi cục THADS huyện Đ H;
- Đương sự;
- VKSND huyện Đ H;
- UBND thị trấn Đ H;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

PHẠM TRỌNG HÀN